

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 03 năm 2024



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 29

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt.
Bà Đặng Kiện Phương

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2024

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

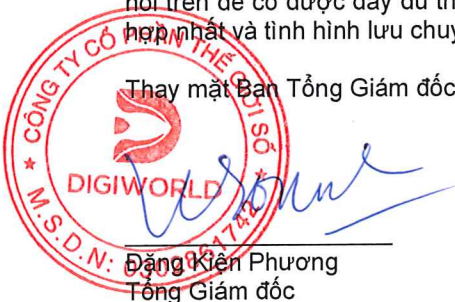
CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các Công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024.

Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Kiên Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5,929,632,721,150	6,444,550,064,602
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		808,900,143,863	1,410,796,874,354
1. Tiền	111	4	292,040,887,839	147,336,959,163
2. Các khoản tương đương tiền	112		516,859,256,024	1,263,459,915,191
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,135,815,747,217	2,055,964,292,449
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.1	1,860,938,577,472	1,723,415,850,009
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	42,150,883,039	28,287,066,814
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		225,919,288,099	260,060,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	50,228,568,397	87,780,985,968
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(43,421,569,790)	(43,579,610,342)
III. Hàng tồn kho	140	7	2,780,145,715,333	2,826,709,271,198
1. Hàng tồn kho	141		2,906,624,012,152	2,953,187,568,017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(126,478,296,819)	(126,478,296,819)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		204,771,114,737	151,079,626,601
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	9,329,317,997	13,396,843,749
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		183,679,976,066	136,967,017,515
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		11,761,820,674	715,765,337

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 03 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		681,917,012,780	716,059,571,949
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11,995,288,002	12,129,371,600
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	11,995,288,002	12,129,371,600
II. Tài sản cố định	220		94,956,921,396	97,646,873,084
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	34,094,916,390	35,989,772,940
<i>Nguyên giá</i>	222		75,529,629,783	75,465,935,339
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(41,434,713,393)	(39,476,162,399)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	60,862,005,006	61,657,100,144
<i>Nguyên giá</i>	228		70,096,550,692	70,096,550,692
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9,234,545,686)	(8,439,450,548)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12,851,081,940	12,851,081,940
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12,851,081,940	12,851,081,940
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	493,843,332,380	493,843,332,380
1. Đầu tư vào công ty con	251		602,000,000,000	602,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2,945,750,000	2,945,750,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(111,102,417,620)	(111,102,417,620)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		68,270,389,062	99,588,912,945
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	6,936,977,842	7,533,401,154
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		61,333,411,220	92,055,511,791
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6,611,549,733,930	7,160,609,636,551

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

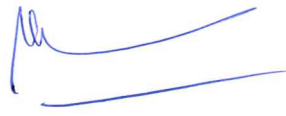
Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 03 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3,901,371,659,896	4,548,583,683,767
I. Nợ ngắn hạn	310		3,895,538,030,469	4,540,815,054,340
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12.1	1,078,960,771,200	1,419,996,254,033
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12.2	137,994,197,779	113,945,353,296
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1,403,130,070	25,220,057,101
4. Phải trả người lao động	314		11,239,983,530	22,588,049,178
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	84,608,045,987	236,747,498,068
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	374,294,736,071	517,516,607,209
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	2,207,037,165,832	2,204,801,235,455
II. Nợ dài hạn	330		5,833,629,427	7,768,629,427
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	5,833,629,427	7,768,629,427
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,710,178,074,034	2,612,025,952,784
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	2,710,178,074,034	2,612,025,952,784
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,672,244,430,000	1,672,244,430,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,672,244,430,000	1,672,244,430,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415		(6,469,937,166)	(6,439,937,166)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		982,769,819,784	884,587,698,534
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		884,587,698,534	543,186,436,252
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		98,182,121,250	341,401,262,282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6,611,549,733,930	7,160,609,636,551

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2024

Trần Quế Tâm
Người lập biểuVũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởngĐặng Kiên Phương
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế Quý 1	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18.1	4,579,545,863,016	3,751,642,646,018
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18.1	(16,702,190,532)	16,887,189,917
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18.1	4,562,843,672,484	3,768,529,835,935
4. Giá vốn hàng bán	11	19	(4,246,227,266,309)	(3,537,438,667,606)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		316,616,406,175	231,091,168,329
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.2	28,429,984,647	37,331,109,134
7. Chi phí tài chính	22	20	(19,531,378,549)	(25,664,580,112)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(16,122,142,966)	(23,401,509,418)
8. Chi phí bán hàng	25	21	(173,885,329,743)	(98,209,424,518)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	(27,516,989,346)	(30,915,100,318)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		124,112,693,184	113,633,172,515
11. Thu nhập khác	31	22	72,669,587	845,793,392
12. Chi phí khác	32	22	(1,278,219,037)	(822,974,036)
13. Lợi nhuận khác	40	22	(1,205,549,450)	22,819,356
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		122,907,143,734	113,655,991,871
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	5,893,551,717	(2,437,319,356)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(30,618,574,201)	(20,483,409,904)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		98,182,121,250	90,735,262,611

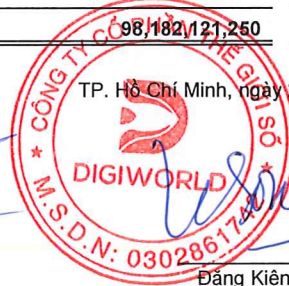
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2024



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LŨY KẾ QUÝ 1	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		122,907,143,734	113,655,991,871
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2,753,646,132	2,141,032,877
- Các khoản dự phòng	03		(158,040,552)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11,864,783,911)	(19,182,067,360)
- Chi phí lãi vay	06		16,122,142,966	23,401,509,418
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		129,760,108,369	120,016,466,806
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(171,512,552,552)	(502,907,599,172)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		46,563,555,865	288,133,907,727
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(610,890,965,092)	(349,085,703,891)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4,663,949,064	7,623,802,242
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19,158,202,398)	(36,343,858,086)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29,523,851,637)	(38,755,629,206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(650,097,958,381)	(511,318,613,580)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B03a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

		LŨY KẾ	
		Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(63,694,444)	(192,000,000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(175,369,288,099)	(122,200,000,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	209,510,000,000	117,369,520,000
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(515,960,395)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,918,280,056	19,219,155,911
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	45,995,297,513	13,680,715,516
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(30,000,000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	2,831,065,479,171	2,304,644,941,477
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2,828,829,548,794)	(2,498,228,269,801)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2,205,930,377	(193,583,328,324)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(601,896,730,491)	(691,221,226,388)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1,410,796,874,354	811,520,984,485
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	808,900,143,863	120,299,758,097

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2024

Trần Quế Tâm

Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đặng Kiện Phương
Đặng Kiện Phương
Tổng Giám Đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 là 467 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 467).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	3 - 6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt Hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	514,353,000	433,052,000
Tiền gửi ngân hàng	210,349,535,315	146,903,907,163
Tiền đang chuyển	81,176,999,524	-
Các khoản tương đương tiền	516,859,256,024	1,263,459,915,191
TỔNG CỘNG	808,900,143,863	1,410,796,874,354

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**5.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu các bên khác	1,804,114,823,255	1,669,890,123,761
- Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động & Hệ thống các chi nhánh	476,942,213,400	140,169,916,930
- Công ty Cổ Phần bán lẻ Kỹ thuật số FPT & hệ thống cá chi nhánh	109,144,741,317	42,568,523,586
- Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Phong Vũ	105,675,522,503	82,283,998,049
- Khác	1,112,352,346,035	1,404,867,685,196
Phải thu bên liên quan (thuyết minh số 25)	56,823,754,217	53,525,726,248
TỔNG CỘNG	1,860,938,577,472	1,723,415,850,009
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10,705,510,850)	(10,547,470,298)
GIÁ TRỊ THUẦN	1,850,233,066,622	1,712,868,379,711

5.2 Trả trước cho người bán

	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho bên khác		
- HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	5,262,215,065	869,076,000
- Công ty TNHH Công nghệ Huawei (Việt Nam)	13,538,173,451	4,058,241,911
Khác	22,580,945,549	22,602,955,118
- Trả trước bên liên quan (thuyết minh số 25)	769,548,974	756,793,785
TỔNG CỘNG	42,150,883,039	28,287,066,814

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
DRAGON TECHNOLOGY DISTRIBUTION PTE.LTD	32,874,099,492	32,874,099,492
Tạm ứng cho nhân viên	373,304,725	298,576,245
Khác	16,981,164,180	15,962,250,106
TỔNG CỘNG	50,228,568,397	87,780,985,968
Dự phòng phải thu khác	(32,874,099,492)	(32,874,099,492)
GIÁ TRỊ THUẦN	17,354,468,905	54,906,886,476
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	11,995,288,002	12,129,371,600

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Hàng hóa	2,855,205,426,761	2,512,966,667,404
Hàng mua đang đi đường	4,603,123,030	399,635,171,230
Hàng gửi đi bán	17,812,305,320	8,483,687,933
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29,003,157,041	32,102,041,450
TỔNG CỘNG	2,906,624,012,152	2,953,187,568,017
Dự phòng HTK	(126,478,296,819)	(126,478,296,819)
GIÁ TRỊ THUẦN	2,780,145,715,333	2,826,709,271,198

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	9,236,545,390	13,295,834,481
Công cụ, dụng cụ	92,772,607	101,009,268
TỔNG CỘNG	9,329,317,997	13,396,843,749
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	1,214,689,293	1,458,224,298
Khác	5,722,288,549	6,075,176,856
TỔNG CỘNG	6,936,977,842	7,533,401,154

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

B09a-DN

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					VND
Số đầu kỳ	21,183,180,735	5,694,734,065	45,044,820,615	3,543,199,924	75,465,935,339
Mua sắm	-	63,694,444	-	-	63,694,444
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	21,183,180,735	5,758,428,509	45,044,820,615	3,543,199,924	75,529,629,783
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	-	5,239,971,110	19,161,403,429	2,857,890,797	39,476,162,399
Khấu hao trong năm	-	69,053,444	1,613,507,213	62,589,064	1,958,550,994
Thanh lý	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	5,309,024,554	20,774,910,642	2,920,479,861	41,434,713,393
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	8,966,283,672	454,762,955	25,883,417,186	685,309,127	35,989,772,940
Số cuối kỳ	8,752,882,399	449,403,955	24,269,909,973	622,720,063	34,094,916,390

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phân mềm	Quyền sử dụng đất	VND
Nguyên giá			<i>Tổng cộng</i>
Số đầu kỳ	12,714,374,512	57,382,176,180	70,096,550,692
Số cuối kỳ	12,714,374,512	57,382,176,180	70,096,550,692
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	- 8,439,450,548	-	- 8,439,450,548
Khấu hao trong năm	- 795,095,138	-	- 795,095,138
Số cuối kỳ	- 9,234,545,686		- 9,234,545,686
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	4,274,923,964	57,382,176,180	61,657,100,144
Số cuối kỳ	3,479,828,826	57,382,176,180	60,862,005,006

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tỷ lệ %	Giá gốc VND	Dư phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Một Thành viên Digiworld Venture	100.0	602,000,000,000	- 111,102,417,620	490,897,582,380
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	49.1	2,945,750,000	-	2,945,750,000
TỔNG CỘNG		604,945,750,000	- 111,102,417,620	493,843,332,380

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
		VND
Asus Global Pte. Ltd	119,055,594,375	170,939,591,129
Acer Incorporated	19,241,940,791	3,375,835,375
Xiaomi H.K Limited	254,116,099,533	352,244,760,091
Lenovo (Singapores) Pte. Ltd.	64,329,328,560	50,604,591,883
Nhà cung cấp khác	622,217,807,941	842,831,475,555
TỔNG CỘNG	1,078,960,771,200	1,419,996,254,033
Trong đó:		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	38,161,957,953	-

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
		VND
XIAOMI H.K Limited	98,250,836,080	83,633,572,288
Khác	39,743,361,699	30,311,781,008
TỔNG CỘNG	137,994,197,779	113,945,353,296

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
		VND
Chiết khấu thương mại	78,994,798,263	158,621,295,159
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	1,300,799,105	66,307,177,470
Chi phí lãi vay	1,004,963,348	4,041,022,780
Khác	3,307,485,271	7,778,002,659
TỔNG CỘNG	84,608,045,987	236,747,498,068

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
		VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	25,019,836,217
Thuế thu nhập cá nhân	1,403,130,070	200,220,884
TỔNG CỘNG	1,403,130,070	25,220,057,101

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	1,684,123,893	12,523,927,784
Phải trả BHXH, BHYT, CĐ, trợ cấp thất nghiệp	2,206,895,829	2,349,974,784
UPAS L/C (*)	368,715,091,157	502,415,914,000
Phải trả khác	1,688,625,192	226,790,641
Cộng	374,294,736,071	517,516,607,209
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	5,833,629,427	7,768,629,427
Cộng	5,833,629,427	7,768,629,427
TỔNG CỘNG	380,128,365,498	525,285,236,636

(*) Đây là khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi ngân hàng thương mại cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

B09a-DN

16. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	VND
Vay ngân hàng	2,204,801,235,455	2,831,065,479,171	(2,828,829,548,794)	2,207,037,165,832	
	2,204,801,235,455	2,831,065,479,171	(2,828,829,548,794)	2,207,037,165,832	

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1 Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - CN Tp. HCM	504,066,184,599	Ngày 01/04/2024 đến 26/06/2024	Từ 3.2% đến 3.95%	Không có tài sản đảm bảo
2 Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	572,790,893,136	Ngày 02/05/2024 đến 19/06/2024	Từ 3.5% đến 3.8%	Không có tài sản đảm bảo
3 Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	219,729,417,669	Ngày 17/04/2024 đến 19/06/2024	Từ 3% đến 3.9%	Không có tài sản đảm bảo
4 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	400,000,000,000	Ngày 14/06/2024	3.00%	Không có tài sản đảm bảo
5 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM	386,437,119,543	Ngày 09/04/2024 đến 30/05/2024	3.50%	Không có tài sản đảm bảo
6 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	116,395,597,973	Ngày 23/04/2024 đến 28/04/2024	3.50%	Không có tài sản đảm bảo
7 The Hongkong and Shanghai Banking Corporation Limited (Singapore)	7,617,952,912	Ngày 05/04/2024	6.20%	Không có tài sản đảm bảo
TỔNG CỘNG	2,207,037,165,832			

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

B09a-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1,632,299,430,000	61,233,761,416	- 6,302,937,166	400,000,000	710,259,410,252	2,397,889,664,502
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	90,735,262,611	90,735,262,611
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2023	1,632,299,430,000	61,233,761,416	- 6,302,937,166	400,000,000	800,994,672,863	2,488,624,927,113
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1,672,244,430,000	61,233,761,416	- 6,439,937,166	400,000,000	884,587,698,534	2,612,025,952,784
Mua lại Cổ phiếu	-	-	30,000,000	-	-	30,000,000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	98,182,121,250	98,182,121,250
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2024	1,672,244,430,000	61,233,761,416	- 6,469,937,166	400,000,000	982,769,819,784	2,710,178,074,034

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**17.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 03 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	167,224,443	167,224,443
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	167,224,443	167,224,443
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	167,224,443	167,224,443
Cổ phiếu quỹ	(171,169)	(168,169)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(171,169)	(168,169)
Cổ phiếu đang lưu hành	167,053,274	167,056,274
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	167,053,274	167,056,274

18. DOANH THU**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023</i>
Tổng doanh thu:	4,579,545,863,016	3,751,642,646,018
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,579,545,863,016	3,751,642,646,018
Các khoản giảm trừ doanh thu	(16,702,190,532)	16,887,189,917
Hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại	(16,702,190,532)	16,887,189,917
DOANH THU THUẦN	4,562,843,672,484	3,768,529,835,935

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	5,468,340,638	2,690,359,725
Lãi chênh lệch tỷ giá	8,164,009,455	12,211,946,557
Chiết khấu thanh toán	8,347,695,136	8,097,004,837
Lãi trái phiếu	6,396,443,273	14,161,706,040
Khác	53,496,145	170,091,975
Cộng	28,429,984,647	37,331,109,134

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023</i>
Giá vốn hàng bán	4,178,709,137,490	3,537,438,667,606
Giá vốn cung cấp dịch vụ	67,518,128,819	
	4,246,227,266,309	3,537,438,667,606

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	16,122,142,966	23,401,509,418
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2,159,667,112	2,240,046,218
Chiết khấu thanh toán	-	11,774,476
CP đầu tư ch.khoán, trái phiếu,..	354,640,954	-
Khác	894,927,517	11,250,000
Cộng	19,531,378,549	25,664,580,112

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	12,379,472,657	11,745,959,394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24,261,559,044	21,047,895,888
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	132,047,476,121	63,620,734,917
Khác	5,196,821,921	1,794,834,319
	173,885,329,743	98,209,424,518
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	12,910,518,751	12,789,962,985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,181,234,379	12,692,022,838
Chi phí bằng tiền khác	7,425,236,216	5,433,114,495
	27,516,989,346	30,915,100,318
TỔNG CỘNG	201,402,319,089	129,124,524,836

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023</i>
		VND
Thu nhập khác	72,669,587	845,793,392
Thu nhập khác	72,669,587	845,793,392
Chi phí khác	(1,278,219,037)	(822,974,036)
Các khoản chi phí khác	(1,278,219,037)	(822,974,036)
THU NHẬP THUẦN	(1,205,549,450)	22,819,356

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023</i>
		VND
Chi phí mua hàng và dịch vụ	4,246,227,266,309	3,537,438,667,606
Chi phí nhân công	25,289,991,408	24,535,922,379
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,753,646,132	3,387,703,997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31,442,793,423	33,739,918,726
Chi phí bằng tiền khác	141,915,888,126	67,460,979,734
	4,447,629,585,398	3,666,563,192,442

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế,

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế,

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
		VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	122,907,143,734	113,655,991,871
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	24,581,428,747	22,731,198,374
Các khoản điều chỉnh khác		
<i>Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	<i>268,884,951</i>	<i>189,530,885</i>
<i>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</i>	<i>- 30,618,574,201</i>	<i>- 20,483,409,903</i>
<i>Khác</i>	<i>- 125,291,214</i>	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	- 5,893,551,717	2,437,319,356

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

B09a-DN

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Cho kỳ kế toán 03 tháng 03 năm 2024	Cho kỳ kế toán 03 tháng 03 năm 2023
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology và chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua dịch vụ, hàng hóa Cho vay Đã trả nợ vay	31,656,527,422 802,996,297 49,100,000,000 74,000,000,000	24,005,534,907 17,641,279,723
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển thị trường C.L và Chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua dịch vụ, hàng hóa Cho vay	- 1,932,233 187,652,087,399 217,620,000,000	1,180,770,720 9,267,892
Công ty Cổ phần A Chi Sơn và chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua dịch vụ, hàng hóa Cho vay Đã trả nợ vay	1,049,741,987 6,944,459 58,027,200,700 75,000,000,000	107,615,460
Công ty TNHH MTV DPHARMA	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	47,972,602
Công ty TNHH Một Thành Viên Digiworld Venture	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa, dịch vụ Góp vốn	- -	514,898,630 515,960,395
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Tín	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	16,479,486,689	
Công ty cổ phần Việt Money	Công ty con gián tiếp	Cho vay Đã trả nợ vay	40,700,000,000 3,000,000,000	
Công ty TNHH B2x Care Solutions Việt Nam		Mua dịch vụ, hàng hóa	18,333,334	

Các khoản phải thu các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:
Phải thu ngắn hạn của Khách hàng

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	VND
Phải thu ngắn hạn của Khách hàng					
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology và Chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	45,776,281,603	45,396,016,486	
Công ty cổ phần A Chi Sơn	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	126,758,187	92,290,003	
Chi nhánh Công ty cổ phần A Chi Sơn	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	160,292,000	8,037,419,759	
Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Đại Tín	Công ty liên kết gián tiếp	Cung cấp dịch vụ & bán hàng hóa	10,760,422,427	12,316,726,372	
			56,823,754,217	65,842,452,620	
Phải thu về cho vay ngắn hạn					
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Cho vay	3,600,000,000	28,500,000,000	
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Phát Triển Thị Trường C.L	Công ty con gián tiếp	Cho vay	88,792,087,399	118,760,000,000	
Công ty cổ phần A Chi Sơn	Công ty con gián tiếp	Cho vay	48,027,200,700	65,000,000,000	
Công ty cổ phần Việt Money	Công ty liên kết gián tiếp	Cho vay	85,500,000,000	47,800,000,000	
			225,919,288,099	260,060,000,000	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology và Chi nhánh	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa, dịch vụ	38,161,957,953	-	
			38,161,957,953	-	
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH MTV Dpharma	Công ty con trực tiếp	Ứng trước cung ứng hàng hóa	769,548,974	756,793,785	
			769,548,974	756,793,785	

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

VND

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

Tên	Thù lao		VND
	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024	Cho kỳ kế toán 03 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023	
Ông Đoàn Hồng Việt	41,350,000	39,245,000	
Bà Đặng Kiên Phương	40,606,000	38,534,000	
Bà Tô Hồng Trang	40,606,000	38,534,000	
Ông Nguyễn Duy Tùng	30,000,000	30,000,000	
Ông Trần Bảo Minh	30,000,000	30,000,000	
	182,562,000	176,313,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09a-DN

Địa chỉ: Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, VN
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

26. CÁC CAM KẾT**26.1 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 03 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	58,890,258,861	50,022,289,322
Từ 1 đến 5 năm	168,254,564,115	129,318,420,222
Trên 5 năm	3,423,979,302	6,901,269,606
TỔNG CỘNG	230,568,802,278	186,241,979,150

26.2 Cam kết góp vốn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

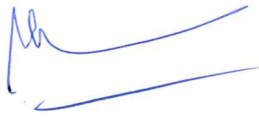
Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư VND	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp Số tiền VND	Phần vốn cam kết còn phải góp Số tiền VND
		Số tiền VND	%		
Công ty TNHH Một thành viên Digeworld Venture	602,000,000,000	602,000,000,000	100	602,000,000,000	-

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hàn
Kế toán trưởng



Đặng Kiện Phương
Tổng Giám Đốc